

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Công văn 2939/BGDĐT-GDDH ngày 14/7/2021 của Bộ Giáo dục đào tạo về việc thi tuyển sinh môn thi năng khiếu trực tuyến trong tình hình dịch Covid -19;

Căn cứ các Thông báo của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về công tác phòng chống dịch tại TP.HCM;

Căn cứ tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 thực tế tại TP.HCM;

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP.HCM thay đổi đề án tuyển sinh như sau:

1. THÔNG TIN CHUNG (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trường có 01 cơ sở duy nhất ở: Số 125 Cống Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.

Website: www.skdahcm.edu.vn

Nhà trường có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực sân khấu, điện ảnh ở bậc đại học; nghiên cứu và thực nghiệm trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường và góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Hiện nay, đơn vị trực thuộc của trường gồm 04 phòng, 06 khoa, 02 trung tâm, 01 nhà hát thể nghiệm và 01 xưởng phim. Các phòng chức năng bao gồm: Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Công tác HSSV, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Các khoa chuyên môn ở bậc Đại học gồm: Khoa Sân khấu, Khoa Điện ảnh – Truyền hình. Các Khoa Nhiếp ảnh, Khoa Kịch hát dân tộc, Khoa Thiết kế mỹ thuật đang hoàn thiện hồ sơ xin mở mã ngành đại học. Bên cạnh đào tạo chính quy, Nhà trường còn tuyển sinh hệ vừa làm vừa học và liên thông chính quy ở 3 ngành Đạo diễn Điện ảnh, Đạo diễn Sân khấu,

Quay phim. Đội ngũ giảng viên gồm nhiều NSND, NSUT, có chuyên môn cao, có nhiều tác phẩm đạt giải trong nước và quốc tế.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tổ chức tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu và Nghệ thuật Điện ảnh - Truyền hình.

1.2. Quy mô đào tạo

Tính đến 31/12/2020

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CDSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I								
Khối ngành II								
- Chính quy + Đạo diễn sân khấu + Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình + Đạo diễn điện ảnh, truyền hình + Quay phim + Liên thông - Vừa làm vừa học			494 46 225 135 68 20 95					
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ, TC)			589					

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Năm 2019: Nhà trường tổ chức thi tuyển 3 môn: Phân tích, Năng khiếu, Văn (lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm).

- Năm 2020: Nhà trường tổ chức thi tuyển 3 môn: Phân tích, Năng khiếu, Văn (lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm).

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Ngành	Mã ngành	Năm TS 2019			Năm TS 2020		
		Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT
Đạo diễn sân khấu	7210227	30	27	26	25	23	25.5
Diễn viên kịch, điện ảnh – TH	7210234	80	79	27	80	100	28
Đạo diễn điện ảnh, TH	7210235	65	61	23	65	66	28
Quay phim	7210236	30	32	25	24	29	27.5

2. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH

2.1. Tuyển sinh chính quy đại học:

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khoẻ để học tập và các quy định khác tại Điều 5 “Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh” Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh:

Do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nên trường thay đổi phương thức tuyển sinh như sau:

1. Đạo diễn sân khấu: thi năng khiếu trực tuyến, văn (lấy điểm học bạ 12 cả năm ≥ 5)

2. Đạo diễn điện ảnh, truyền hình: thi năng khiếu trực tuyến, văn (lấy điểm học bạ 12 cả năm ≥ 5)

3. Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình: thi năng khiếu trực tuyến, văn (lấy điểm học bạ 12 cả năm ≥ 5)

4. Quay phim: thi năng khiếu trực tuyến, văn (lấy điểm học bạ 12 cả năm ≥ 5)

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

2.1.4.1. Danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở/ đổi tên ngành	Ngày QĐ mở/ đổi tên ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7210227	Đạo diễn Sân khấu	821/QĐ-BGDĐT	27/02/2012	Bộ GDĐT	2012
2	7210235	Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	821/QĐ-BGDĐT	27/02/2012	Bộ GDĐT	2012
3	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	1075/QĐ-BGDĐT	04/04/2016	Bộ GDĐT	2016
4	7210236	Quay phim	1075/QĐ-BGDĐT	04/04/2016	Bộ GDĐT	2016

2.1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: chỉ tiêu ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã	Chỉ tiêu (dự kiến)
-----	-----------	----	--------------------

		ngành	Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác
Các ngành đào tạo đại học:				
1	Ngành Đạo diễn Sân khấu	7210227	0	15
2	Ngành Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình	7210234	0	100
3	Ngành Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	7210235	0	45
4	Ngành Quay phim	7210236	0	19
Tổng:			0	179

2.1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là một trường đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, các ngành đào tạo đòi hỏi phải có năng khiếu đặc thù nên không nhận đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- + Theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo.
- + Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào bằng phương thức thi tuyển từ 19 điểm, đây là mức bao gồm cả nhân hệ số và điểm ưu tiên khu vực.
- + Môn Văn lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm từ 5 trở lên.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường thi tuyển sinh gồm các ngành sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp: S00
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	Văn (học bạ 12) - Năng khiếu
2	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	Văn (học bạ 12) - Năng khiếu
3	7210235	Đạo diễn điện ảnh – truyền hình	Văn (học bạ 12) - Năng khiếu
4	7210236	Quay phim	Văn (học bạ 12) - Năng khiếu

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- + Thời gian: từ 02/05 đến 01/08/2021 đăng ký dự thi
- + Địa điểm và phương thức: tải mẫu hồ sơ trên website của trường, điền đầy đủ thông tin và xác nhận sau đó nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện hồ sơ đã xác nhận đến Ban thư ký tuyển sinh Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM - Số 125 Công Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.
- Thời gian dự kiến tuyển sinh: trực tuyến từ ngày 03/9 đến 21/09/2021 (lich tuyển sinh có thể được thay đổi căn cứ vào số lượng các ngành đào tạo cụ thể).
- Các điều kiện dự thi:
 - + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (gọi chung là tốt nghiệp THPT).
 - + Có đủ sức khoẻ để học tập và các quy định khác theo quy chế tuyển sinh năm 2021
 - + Ngành diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình: thí sinh \leq 23 tuổi.

- Hình thức thi tuyển:

TT	Ngành	Vòng sơ tuyển	Vòng chung tuyển	
			Môn 1	Môn 2
Các ngành đào tạo Đại học:				
1	Đạo diễn Điện ảnh - Truyền hình	Không thi sơ tuyển	<p style="text-align: center;">Thi trực tuyến</p> <p>Năng khiếu: là những gợi ý hình ảnh, nhân vật, bối cảnh, thời gian v.v... thí sinh trình bày thành 1 câu chuyện hoàn chỉnh trước BGK đồng thời trả lời các câu hỏi về kiến thức xã hội do BGK yêu cầu, thí sinh có 15 phút chuẩn bị trước khi trình bày bài thi tối đa 15 phút. Trả lời các câu hỏi liên quan đến lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.</p>	<p style="text-align: center;">Ngữ Văn</p> <p>(lấy điểm học bạ lớp 12)</p>
2	Đạo diễn Sân khấu	Không thi sơ tuyển	<p style="text-align: center;">Thi Trực tuyến</p> <p>Năng khiếu: là những gợi ý đạo cụ, nhân vật, bối cảnh, thời gian v.v... thí sinh trình bày thành 1 câu chuyện hoàn chỉnh trước BGK đồng thời trả lời các câu hỏi về kiến thức xã hội do BGK yêu cầu, thí sinh có 15 phút chuẩn bị trước khi trình bày bài thi tối đa 15 phút. Trả lời các câu hỏi liên quan đến lĩnh vực sân khấu.</p>	<p style="text-align: center;">Ngữ Văn</p> <p>(lấy điểm học bạ lớp 12)</p>
3	Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình	<p>Thi offline bằng hình thức gửi clip của thí sinh đến HĐTS</p> <p>Nội dung thi: - Kiểm tra tiếng nói trên hình thức đọc thơ hoặc đọc 1 đoạn văn.- Kiểm tra thắm âm: hát 1 bài hát hoặc 1 đoạn bài hát.- Kiểm tra năng khiếu diễn xuất: thí sinh diễn một tiểu phẩm đã chuẩn bị, có 1-2 nhân vật, trong đó thí sinh dự</p>	<p style="text-align: center;">Thi trực tuyến</p> <p>Năng khiếu: là những tình huống do HĐTS đưa ra, thí sinh có 15 phút chuẩn bị, sau đó trình bày tiểu phẩm tự chọn cùng tình huống trong đề thi, thời gian tối đa 10 phút.</p>	<p style="text-align: center;">Ngữ Văn</p> <p>(lấy điểm học bạ lớp 12)</p>

		thi phải diễn chính. Thời gian tiểu phẩm không quá 5 phút.		
4	Quay phim	Không thi sơ tuyển	Thi trực tuyến Năng khiếu: là yêu cầu phân tích những hình ảnh do Hội đồng TS quy định đồng thời trả lời các câu hỏi về kiến thức xã hội do BGK yêu cầu, thí sinh có 15 phút chuẩn bị trước khi trình bày bài thi tối đa 15 phút.	Ngữ Văn (lấy điểm học bạ lớp 12)

2.1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Theo quy chế tuyển sinh năm 2021

2.1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Căn cứ điều 3 - Thông tư 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/03/2015 v/v quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

Lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí dự thi sẽ thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT áp dụng cho kỳ thi tuyển sinh năm 2020 đối với các trường năng khiếu bao gồm: Lệ phí hồ sơ (15.000), Lệ phí đăng ký dự thi (60.000), Lệ phí thi sơ tuyển (120.000), Lệ phí dự thi môn văn hoá chuyên ngành (35.000), Lệ phí thi chung tuyển (300.000), Lệ phí xét học bạ (30.000), chi tiết thu từng ngành như sau:

STT	Ngành	Lệ phí
01	7210227 – Đạo diễn Sân khấu	440.000^d
02	7210234 – Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình (*)	195.000^d
03	7210235 – Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	440.000^d
04	7210236 – Quay phim	440.000^d

(*) Ngành có thi sơ tuyển, thí sinh chỉ đóng 195.000^d; nếu thí sinh trúng tuyển vòng sơ tuyển đóng tiếp 300.000^d lệ phí thi chung tuyển và 30.000^d lệ phí xét học bạ.

2.1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có), Đ/v tính: đồng

Nghị định	NĂM HỌC				
	2016-2017	2017-2019	2019-2019	2019-2020	2020-2021
86/2015-NĐ-CP					
Hệ Đại học chính quy (1 tháng)	790.000	870.000	960.000	1.060.000	1.170.000
Hệ Đại học chính quy (1 năm học)	7.900.000	8.700.000	9.600.000	10.600.000	11.700.000

Dự kiến Năm học 2021-2022:
 Hệ Đại học chính quy (1 tháng): 1.290.000 đ
 Hệ Đại học chính quy (1 năm): 12.900.000 đ

2.1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm
 - Nhà trường tổ chức tuyển sinh 01 đợt, không tổ chức tuyển sinh bổ sung.

2.1.13. Tình hình việc làm
 - Tình hình việc làm năm 2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP
Khối ngành/Nhóm ngành												
Khối ngành II	270			225			56			100%		
Khối ngành III												
Khối ngành IV												
Khối ngành V												
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng	270			225			56			100%		

- Tình hình việc làm năm 2020

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP	ĐH	CĐ SP	TC SP
Khối ngành/Nhóm ngành												
Khối ngành II	304			297			57			96%		
Khối ngành III												
Khối ngành IV												
Khối ngành V												
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng	304			297			57			96%		

2.1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 11.066.660.000 đồng.

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 19.965.000 đồng.

2.2 Tuyển sinh vừa làm vừa học:

2.2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập và các quy định khác tại Điều 5 “Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh” Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2021.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.2.3. Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển

+ Phân tích tác phẩm nghệ thuật.

+ Năng khiếu

+ Văn (lấy điểm học bạ lớp 12 cả năm)

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở/ đổi tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Ngày QĐ mở/ đổi tên ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7210235	Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	821/QĐ-BGDĐT	63	27/02/2012	Bộ GDĐT	2012

2.2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là một trường đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, các ngành đào tạo đòi hỏi phải có năng khiếu đặc thù nên không nhận đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào bằng phương thức thi tuyển từ 22 điểm, đây là mức bao gồm cả nhân hệ số và điểm ưu tiên khu vực.

2.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường thi tuyển sinh gồm các ngành sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp:
----	----------	-----------	------------

1	7210227	Đạo diễn sân khấu	Văn - Phân tích - Năng khiếu
2	7210235	Đạo diễn điện ảnh – truyền hình	Văn - Phân tích - Năng khiếu

2.2.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

- Thời gian, địa điểm, phương thức nhận hồ sơ:

+ Thời gian: từ 01/10 đến 15/11/2021

+ Địa điểm và phương thức: mua hồ sơ tại trường hoặc tải mẫu hồ sơ trên website của trường, điền đầy đủ thông tin và xác nhận sau đó nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện hồ sơ đã xác nhận đến Ban thư ký tuyển sinh Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM - Số 125 Công Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.

- Thời gian dự kiến tuyển sinh: từ ngày 01/12 đến 05/12/2021 (lịch tuyển sinh có thể được thay đổi căn cứ vào số lượng các ngành đào tạo cụ thể).

- Các điều kiện dự thi:

Hình thức thi tuyển:

TT	Ngành	Vòng chung tuyển		
		Môn 1 Phân tích	Môn 2 Năng khiếu	Môn 3 Văn
1	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	Phân tích tác phẩm nghệ thuật: xem phim và viết bài phân tích. (hệ số 2)	Năng khiếu: Xem và dựng ảnh liên hoàn theo 1 chủ đề dựa vào ảnh do BGK cung cấp. Trả lời các câu hỏi liên quan đến lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.	Thi viết theo đề thi

2.2.8. *Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

Theo quy chế tuyển sinh năm 2020

2.2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:*

Lệ phí tuyển sinh gồm:

- Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000^d/ hồ sơ
- Lệ phí dự thi môn văn hoá chuyên ngành: 35.000^d / hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển: 800.000^d/ hồ sơ

2.2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên vừa làm vừa học*

Học phí HK1 năm học 2021-2022: Hệ Đại học VLVH các ngành: 9.660.000^d/1HK/1SV

2.2.11. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

2.3. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học:

2.3.1. *Đối tượng tuyển sinh*

- Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng khối ngành nghệ thuật.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và các quy định khác tại Điều 5 “Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh” Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020.

2.3.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.3.3. Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển
- + Văn
- + Phân tích tác phẩm nghệ thuật.
- + Năng khiếu

2.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số QĐ mở/đổi tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Ngày QĐ mở/ đổi tên ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
				Chính quy	VLVH			
1	7210227	Đạo diễn Sân khấu	821/QĐ-BGDĐT	15		27/02/2012	Bộ GDĐT	2012
2	7210235	Đạo diễn Điện ảnh – Truyền hình	821/QĐ-BGDĐT	15		27/02/2012	Bộ GDĐT	2012

2.3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM là một trường đào tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, các ngành đào tạo đòi hỏi phải có năng khiếu đặc thù nên không nhận đăng ký xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: môn Văn và môn Phân tích tác phẩm nghệ thuật thí sinh không bị điểm liệt. Môn Năng khiếu nhân hệ số 2.

2.3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường thi tuyển sinh gồm các ngành sau:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp:
1	7210227	Đạo diễn sân khấu	Văn - Phân tích - Năng khiếu
2	7210235	Đạo diễn điện ảnh – truyền hình	Văn - Phân tích - Năng khiếu

Điều kiện về văn bằng

- Các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy có ngành đào tạo đúng với ngành thí sinh đăng ký thi liên thông cao đẳng lên đại học.

- Các thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng không đúng ngành nhưng phù hợp với ngành đăng ký dự thi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

STT	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp (bổ sung kiến thức)	
		Ngành gần	Ngành xa
1	Đạo diễn Điện ảnh, Truyền hình	1) Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình 2) Quay phim 3) Thiết kế mỹ thuật Điện ảnh 4) Nhiếp ảnh 5) Đạo diễn sân khấu	1) Báo chí 2) Công nghệ điện ảnh truyền hình 3) Đồ họa 4) Thiết kế đồ họa 5) Truyền thông đa phương tiện 6) Truyền thông và Văn hóa 7) Công nghệ truyền thông 8) Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông
2	Đạo diễn Sân khấu	1) Diễn viên sân khấu kịch hát 2) Diễn viên Kịch, Điện ảnh – Truyền hình 3) Thiết kế mỹ thuật Sân khấu 4) Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	1) Quản lý văn hóa 2) Hội họa 3) Thanh nhạc 4) Sáng tác âm nhạc 5) Diễn viên múa, biên đạo múa, huấn luyện múa

Lưu ý: thí sinh ngành gần và ngành xa đăng ký dự thi tuyển sinh liên thông phải học chuyển đổi ở các ngành như sau:

1. Đạo diễn điện ảnh, truyền hình

Ngành gần	Ngành xa
Điện ảnh học đại cương	Điện ảnh học đại cương
Kịch học Điện ảnh	Kịch học Điện ảnh
Công tác Đạo diễn	Công tác Đạo diễn
	Công tác diễn viên
	Phân tích tác phẩm điện ảnh

2. Đạo diễn sân khấu

Ngành gần	Ngành xa
Sân khấu học đại cương	Sân khấu học đại cương
Biên kịch	Biên kịch

Công tác Đạo diễn	Công tác Đạo diễn
	Công tác diễn viên
	Phân tích tác phẩm sân khấu

2.3.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

- Thời gian tuyển sinh: dự kiến từ ngày 10/12 đến 25/12 hàng năm (lịch tuyển sinh có thể được thay đổi căn cứ vào số lượng các ngành đào tạo cụ thể).

- Hình thức thi tuyển trực tiếp tại trường: Văn, Phân tích, Năng khiếu.

- Các điều kiện dự thi:

+ Thí sinh phải tốt nghiệp ngành cao đẳng khối ngành nghệ thuật

- Thời gian, địa điểm, phương thức nhận hồ sơ:

+ Thời gian: từ 01/10 đến 15/11/2021

+ Địa điểm và phương thức: nhận hồ sơ trực tiếp đã xác nhận theo mẫu của trường tại Ban thư ký tuyển sinh (Bộ phận Vừa làm vừa học) Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM - Số 125 Công Quỳnh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM.

2.3.8. *Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

Theo quy chế tuyển sinh năm 2020

2.3.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:*

Lệ phí tuyển sinh gồm:

- Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000^d/ hồ sơ

- Lệ phí dự thi môn văn hoá chuyên ngành: 35.000^d / hồ sơ

- Lệ phí thi tuyển: 800.000^d/ hồ sơ

2.3.10. *Học phí dự kiến với sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học:*

Học phí HK1 năm học 2021-2022: Hệ Đại học liên thông các ngành: 9.660.000^d/1HK/1SV

2.3.11. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

3. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

3.1. *Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:*

3.1.1. *Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:*

- Tổng diện tích đất của trường: 4399 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 40

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: (3341/532) 6,4m²

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
----	----------	----------	--

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	3341
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	592
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	4	432
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1605
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	712
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	284
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	12	502

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
1	Phòng tin học	Máy vi tính để bàn	Khối ngành 2
2	Phòng phim trường	Cảnh trí, âm thanh, ánh sáng, máy quay đa năng, bàn điều khiển, v.v...	Khối ngành 2
3	Sân khấu quay, sân khấu 3A, 3B, lầu 1	Cảnh trí, âm thanh, ánh sáng	Khối ngành 2

3.1.3. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I	
2.	Khối ngành II	15.000 bản
3.	Khối ngành III	
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	
6.	Khối ngành VI	

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học

STT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung
1			PHAN THU HƯƠNG	Nữ		THS	Giảng dạy tiếng anh	x
2			NINH XUÂN HIẾU	Nữ		THS	Giảng dạy tiếng anh	x
3			NGUYỄN XUÂN DŨNG	Nam		THS	Văn hóa học	x
4			PHAN NHỨT DŨNG	Nam		THS	Quản lý văn hoá	x

5			NGUYỄN THANH ĐẠT	Nam		TS	Triết học	x
6			LÊ THANH HÒA	Nam		ĐH	Công nghệ thông tin	x
7			NGUYỄN HIỀN TRIẾT	Nam		THS	Giáo dục thể chất	x
8			BÙI THANH HUYỀN	Nữ		THS	Văn hóa học	x
9			VŨ THỊ DUYÊN	Nữ		THS	Quản lý văn hoá	x
10			LÊ HÙNG	Nam		THS	Quản lý giáo dục	x
11			NGUYỄN THỊ BIÊN	Nữ		THS	Quản lý văn hoá	x
12			HÀ QUANG SƠN	Nam		ĐH	Cử nhân luật	x
13	Quay phim	7210236	TRẦN TRỌNG TRÍ	Nam		THS	Nghệ thuật âm nhạc	
14	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	LÂM THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ		THS	Đạo diễn điện ảnh	
15	Đạo diễn sân khấu	7210227	HUỖNH HẢI LONG	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
16	Đạo diễn sân khấu	7210227	PHẠM VĂN MÔN	Nam		ĐH	Âm nhạc	
17	Đạo diễn sân khấu	7210227	TRẦN ĐỨC BẢO KHANH	Nữ		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
18	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	TRƯƠNG VĂN TRÍ	Nam		THS	Nghệ thuật điện ảnh truyền hình	
19	Đạo diễn sân khấu	7210227	VŨ THỊ THANH HÀ	Nữ		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
20	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	Nữ		TS	Đạo diễn điện ảnh	
21	Quay phim	7210236	NGUYỄN THANH THƯƠNG	Nữ		ĐH	Kỹ thuật điện - điện tử	
22	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	CAO ĐỨC XUÂN HỒNG	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
23	Quay phim	7210236	ĐOÀN NHẬT CUỒNG	Nam		ĐH	Nhiếp ảnh	
24	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	LƯƠNG ĐỨC ANH	Nam		THS	Đạo diễn điện ảnh	
25	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam		THS	Huấn luyện múa	
26	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN CÔNG NINH	Nam		THS	Nghệ thuật	
27	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	MAI VIỆT CỬU	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
28	Quay phim	7210236	LÝ ANH TÂM	Nam		THS	Đạo diễn điện ảnh	
29	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	LÒ BẢO ANH	Nữ		ĐH	Biên kịch điện ảnh	
30	Đạo diễn sân khấu	7210227	LÊ THỊ ÁI LIÊN	Nữ		THS	Quản lý giáo dục	
31	Đạo diễn điện ảnh,	7210235	LÊ PHƯƠNG	Nữ		THS	Đạo diễn điện	

	truyền hình		MAI				ảnh	
32	Đạo diễn sân khấu	7210227	LÊ NGUYỄN ĐẠT	Nam		THS	Nghệ thuật sân khấu	
33	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	HOÀNG THỊ THU HẰNG	Nữ		ĐH	Huấn luyện múa	
34	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	HỒ THỊ HỒNG THẨM	Nữ		ĐH	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	
35	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	ĐOÀN THỊ MỘNG HUYỀN	Nữ		ĐH	Huấn luyện múa	
36	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐỖ THỊ HỒNG	Nữ		ĐH	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	
37	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐẶNG VIỆT HÀ	Nữ		THS	Mỹ thuật tạo hình	
38	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	CAO TẤN LỘC	Nam		THS	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	
39	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam		ĐH	Biên kịch điện ảnh	
40	Đạo diễn sân khấu	7210227	NGUYỄN HÒA AN	Nam		THS	Nghệ thuật sân khấu	
41	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	PHAN NGUYỄN VĨNH	Nam		THS	Kỹ thuật cơ - điện tử	
42	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ		THS	Nghệ thuật âm nhạc	
43	Đạo diễn sân khấu	7210227	NGUYỄN THỊ THANH THUY	Nữ		THS	Mỹ thuật ứng dụng	
44	Đạo diễn sân khấu	7210227	ĐÌNH QUANG TRUNG	Nam	Phó giáo sư	TS	Nghệ thuật	
45	Quay phim	7210236	ĐOÀN THỊ DUNG	Nữ		ĐH	Nhiếp ảnh	
46	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	VŨ NGỌC THANH	Nam	Phó giáo sư	TS	Nghệ thuật điện ảnh	
47	Đạo diễn sân khấu	7210227	VÕ THỊ YẾN	Nữ		TS	Nghệ thuật sân khấu	
48	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	TRƯƠNG VĂN THÀNH	Nam		THS	Nghệ thuật sân khấu	
49	Đạo diễn sân khấu	7210227	TRẦN YẾN CHI	Nữ	Phó giáo sư	TS	Nghệ thuật	
50	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ		TS	Nghệ thuật sân khấu	

3.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học.

STT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung
1			LÊ YÊN PHƯƠNG	Nữ		THS	Giảng dạy tiếng anh	x

2			TRẦN ĐÌNH TU	Nam		THS	Triết học	x
3			LÊ THỊ MINH THƯ	Nữ		THS	Giảng dạy tiếng anh	x
4			HỒ VĂN THÀNH	Nam		THS	Âm thanh điện ảnh	x
5			LÂM QUANG VINH	Nam		TS	Ngữ văn	x
6			NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ		THS	Điện ảnh truyền hình	x
7			ĐỖ QUỐC DŨNG	Nam		THS	Chính trị học	x
8			NGUYỄN HOÀNG XUÂN HƯƠNG	Nữ		THS	Tâm lý học	x
9			PHAN VĂN CẢ	Nam		TS	Lịch sử	x
10			HUỶNH BÁ LỘC	Nam		TS	Lịch sử Việt Nam	x
11			TRẦN VĂN ĐẠI LỢI	Nam		TS	Lịch sử	x
12			PHAN THỊ BÍCH HÀ	Nữ	Phó giáo sư	TS	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình	x
13			PHAN BÍCH THUY	Nữ		TS	Ngữ văn	x
14			NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam		THS	Văn học nước ngoài	x
15	Đạo diễn sân khấu	7210227	TRẦN NGỌC GIÀU	Nam		TS	Đạo diễn sân khấu	
16	Quay phim	7210236	NGŨ QUANG TRÍ	Nam		THS	Lý luận, lịch sử và phê bình ĐA-TH	
17	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	NGUYỄN TRUNG PHAN	Nam		THS	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình	
18	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN VIÊN THÔNG	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
19	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGŨ PHẠM HẠNH THUY	Nữ		THS	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	
20	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	PHẠM HOÀNG KÍNH	Nam		ĐH	Quay phim điện ảnh	
21	Đạo diễn sân khấu	7210227	LÊ VĂN ĐỊNH	Nam		ĐH	Mỹ thuật điện ảnh	
22	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	LÊ CƯỜNG	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
23	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	LÊ TRƯỜNG BẢO	Nam		THS	Nghệ thuật điện ảnh	
24	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	TRẦN DŨNG	Nam		TS	Nhân học	x
25	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	TRẦN ĐỨC HẢI	Nam		THS	Nghệ thuật	
26	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	NGUYỄN TƯỜNG PHƯƠNG	Nam		ĐH	Đạo diễn điện ảnh	

27	Đạo diễn sân khấu	7210227	HÀ QUANG VẤN	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
28	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐINH NGỌC TUẤN	Nam		ĐH	Công nghệ thông tin, Quay phim điện ảnh	
29	Quay phim	7210236	NGUYỄN QUỐC THÀNH	Nam		ĐH	Quay phim truyền hình	
30	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐÀO BÁ SƠN	Nam		TS	Đạo diễn điện ảnh	
31	Quay phim	7210236	ĐỖ PHƯƠNG TOÀN (ĐOÀN QUỐC)	Nam		TS	Nghệ thuật nhiếp ảnh	
32	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐỖ LỆNH HÙNG TỬ	Nam		TS	Mỹ thuật điện ảnh	
33	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN THÀNH CHÁNH TRỰC	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
34	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	PHẠM THỊ NGỌC TRINH	Nữ		THS	Đạo diễn sân khấu	
35	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	NGUYỄN XUÂN PHƯỚC	Nam		ĐH	Đạo diễn điện ảnh	
36	Đạo diễn sân khấu	7210227	NGUYỄN VĂN PHẨM	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
37	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	VÕ THỊ KIM OANH	Nữ		THS	Đạo diễn sân khấu	
38	Quay phim	7210236	VÕ GIA NINH	Nam		ĐH	Quay phim	
39	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐỖ PHÚC THÁI NGUYỄN	Nữ		THS	Mỹ thuật điện ảnh	
40	Đạo diễn sân khấu	7210227	DƯƠNG THANH NGỌC	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
41	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	ĐẶNG THỊ HẠNH NĂM	Nữ		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
42	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	HUYNH ĐỨC NAM	Nam		THS	Đạo diễn điện ảnh	
43	Đạo diễn sân khấu	7210227	HOÀNG HOÀI NAM	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	
44	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN ĐIỀN VŨ MINH	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
45	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN TỎ LOAN	Nữ		CĐ	Đạo diễn sân khấu	
46	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	NGUYỄN QUỐC HƯNG	Nam		THS	Đạo diễn điện ảnh	
47	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN NGỌC HÙNG	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu	
48	Đạo diễn sân khấu	7210227	NGUYỄN THỊ HỢP	Nữ		TS	Đạo diễn sân khấu	
49	Đạo diễn sân khấu	7210227	CA LÊ HỒNG	Nữ		THS	Đạo diễn sân khấu	
50	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN BẢO HÒA	Nam		THS	Đạo diễn sân khấu	

51	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	PHAN NGỌC HẠNH	Nữ		THS	Đạo diễn sân khấu
52	Đạo diễn sân khấu	7210227	GIANG MẠNH HÀ	Nam		TS	Đạo diễn sân khấu
53	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	NGUYỄN MẠNH DUY	Nam		ĐH	Đạo diễn sân khấu
54	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	LÊ CHÍ DŨNG	Nam		ĐH	Đạo diễn điện ảnh
55	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235	ĐÀO ANH DŨNG	Nam		ĐH	Đạo diễn điện ảnh

Ngày 15 tháng 07 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS Đinh Quang Trung